

NHỮNG DỰ ĐOÁN THIÊN TÀI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Triệu Hồng

TÓM TẮT

Bác Hồ là lãnh tụ của cách mạng Việt Nam. Trong chỉ đạo đường lối chiến lược và sách lược, Bác đã có những dự đoán thiên tài. Nhờ những dự đoán thiên tài ấy, Đảng ta, nhân dân ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và cuối cùng đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Bài viết này chỉ ra những dự đoán thiên tài của Bác để mỗi người chúng ta hiểu biết thêm về một con người vĩ đại nhất của dân tộc Việt Nam: Hồ Chí Minh.

1. Đặt vấn đề

Giải thích vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh có khả năng dự đoán trước thời cuộc, sự kiện và ý nghĩa của những dự đoán ấy, đồng chí Trường Chinh một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta đã viết: *"Thế giới quan chủ nghĩa Mác-Lênin và những kinh nghiệm đấu tranh lâu năm làm cho Người có thể dự đoán trước thời cuộc, mau lẹ nhận ra những bước ngoặt của lịch sử và đề ra những khẩu hiệu thích hợp nhằm xoay chuyển tình hình"*(1).

2. Nội dung

Bình sinh Người đã đưa ra những dự đoán thiên tài. Không những dự báo đúng mà đoán định cũng đúng, chính xác về thời gian, địa điểm, tình hình, vụ việc tất yếu sẽ xảy ra. Những dự đoán của Người được mọi người đánh giá cao, bởi sự vượt trội mà người thường không thể có khả năng đó. Chúng ta có thể phân định những dự đoán của Người thành những dự đoán dài hạn từ 10 năm, 15 năm, hoặc lâu hơn; những dự đoán trung hạn 5 năm đến 10 năm; ngắn hạn là trong vòng một năm đến 5 năm. Dự đoán đúng, chính xác giúp chúng ta định hướng để ra được chiến lược, chiến thuật đúng đắn. Giành thể chủ động tiến công cách mạng, tạo nên chiến thắng vang dội, nhất là những chiến thắng có tính chất quyết định giành thắng lợi hoàn toàn. Tránh được những tổn thất về xương máu, tiền của, hoặc không phải trả giá đắt cho những chiến công, hạn chế hy sinh ở mức thấp nhất. Làm cho kẻ thù lúng túng, rơi vào thế bị động, bất ngờ chịu thất bại hoàn toàn. Tạo cho tất cả mọi người niềm

tin vào sự thắng lợi của cách mạng, vào Đảng, vào tương lai tươi sáng.

Một trong những dự đoán thiên tài của Hồ Chí Minh là về thời gian thành công của cách mạng giải phóng dân tộc. Trong một tài liệu nói về Lịch sử nước ta, Mục ghi những năm tháng quan trọng, tháng 2 năm 1942, Người đã viết: *"1945 Việt Nam độc lập"*. Đây là một dự đoán chính xác, nhưng để có dự đoán này, trước đó Người đã có những dự đoán về toàn cục chiến tranh thế giới lần thứ II, trong bài: *"Năm mới, công việc mới"* trên báo Việt Nam độc lập, số 114, ngày 1/1/1942 có ghi: *"Ta có thể quyết đoán rằng, Nga nhất định thắng, Đức nhất định bại. Anh - Mỹ sẽ được, Nhật Bản sẽ thua. Đó là dịp rất tốt cho dân ta khởi nghĩa đánh đuổi Pháp, Nhật, làm cho Tổ quốc ta độc lập, tự do"*. Khi Người được cử sang Trung Quốc tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, bị chính quyền Tưởng Giới Thạch vô cớ bắt giam (8/1942- 9/1943), trở về nước, tháng 10 năm 1944, Người viết *"Thư gửi đồng bào toàn quốc"* có đoạn ghi: *"Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các nước Đồng minh quốc sắp tranh được thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ trong vòng một năm hoặc một năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!"*

Không phải chỉ trong các văn bản thư từ, chỉ thị, mà cả trong câu chuyện hàng ngày, Người cũng đưa ra những lời tiên tri vượt cả không gian, thời gian. Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói rằng, hồi ở Pắc Bó, Ngày Bác mới về nước có những nhận định mang tầm nhìn siêu việt: *"Bác thường kể... tình hình thế giới, trong nước và dự đoán về"*

tương lai. Bác nói chừng bốn hay năm năm nữa, cách mạng Việt Nam sẽ thành công... câu nói của Bác giống như lời sấm truyền" (2).

Đúng như lời sấm truyền, đã giúp chúng ta phần khởi, chủ động, tích cực chuẩn bị lực lượng cách mạng, để khi thời cơ đến nhân dân cả nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nhất tể đứng lên giành chính quyền. Đúng như dự đoán ngắn hạn là "bốn hay năm năm nữa" hay dự đoán gần nhất là "trong vòng một năm", cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi, chính quyền về tay nhân dân. Ngày 2/9/ 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt quốc dân đọc bản Tuyên ngôn Độc lập chính thức khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng còn non trẻ nhưng thù trong giặc ngoài, vận mệnh cách mạng thất là ngàn cân treo sợi tóc. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta có những quyết sách đúng đắn, giải quyết khéo léo các mối quan hệ đối nội, đối ngoại, giữ vững chính quyền nhân dân, theo phương châm thêm bạn bớt thù, hoà để tiến, xây dựng lực lượng, tránh các đòn tiến công của nhiều kẻ thù, nhằm đối đầu với một kẻ thù chính là thực dân Pháp xâm lược. Trong những gian nan ấy, chí sỹ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng- Phó chủ tịch nước và khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Pháp đã giữ chức Quyền Chủ tịch nước đã nói về tài năng dự đoán của Bác Hồ: "Tầm con mắt trông cao tột bậc. Nhìn rõ đại cuộc xét thấu thiên cơ"(3).

Đúng như cụ Huỳnh nói, nhìn vào đại cuộc Chủ tịch Hồ Chí Minh biết rõ âm mưu của thực dân Pháp, của Tưởng, của các nước Đồng minh như Mỹ, Anh, Ấn . Biết đâu là kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm, đối tượng nào có thể tranh thủ được, tạm hoà hoãn. Còn kẻ thù trong nước là những thế lực nào, chúng dựa vào ai, để tìm cách đối phó, giải quyết bằng đối thoại, tránh xung đột. Ngày 5 tháng 9, trong "Lời kêu gọi quốc dân", Người đã nói: "cương quyết phản đối quân Pháp kéo vào Việt Nam, vì mục đích của họ là hãm dân tộc Việt Nam vào vòng nô lệ một lần nữa" và "Hiện nay một số quân Pháp đã lọt vào nước ta. Đồng bào hãy sẵn sàng chờ lệnh Chính phủ để chiến đấu".

Biết rõ âm mưu của thực dân Pháp, từ văn bản Tuyên ngôn độc lập Người đã tỏ thái độ rút khoát: "Tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết các hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền

của Pháp trên đất nước Việt Nam". Người yêu cầu các nước Đồng minh công nhận quyền độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam, nhưng tỏ rõ quyết tâm: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Khi quân Pháp trở lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, Người kêu gọi đồng bào Nam Bộ và cả nước anh dũng đứng lên kháng chiến. Người đã đưa ra sách lược giải quyết các mối hiểm hoạ thù trong giặc ngoài, chỉ nhằm vào kẻ thù trực tiếp, trước mắt là thực dân Pháp. Để ổn định chính trị, trong thời gian ngắn chúng ta đã tiến hành Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội Việt Nam thành công, lập Chính phủ mới, tạm hoà hoãn với Pháp, ký Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946. Biết rằng thực dân Pháp thế nào cũng bội ước, Người nêu "Công việc khẩn cấp bây giờ" xác định rõ: "Cuộc kháng chiến sẽ rất gay go cực khổ" nhưng "ta kiên quyết chống chọi cho qua giai đoạn "chớp nhoáng" thì địch sẽ xếp, ta sẽ thắng". Người chỉ ra thế mạnh của ta và dự đoán: "Ta địa thế tốt, lực lượng nhiều hơn, nhất định kháng chiến được mấy năm, đến thắng lợi". Ngày 19/12/1946, trong "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" Người khẳng định một lần nữa: "Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta".

Trở lại căn cứ địa Việt Bắc, đầu tháng 4 năm 1947, nơi mà cuối tháng 8 năm 1945, Người trở về Hà Nội đã căn dặn các đồng chí lãnh đạo chiến khu phải làm tốt công tác củng cố căn cứ và có ý dự báo rằng: "Biết đâu chúng ta còn quay lại nhờ cậy đồng bào một lần nữa". Đúng như dự báo ấy, chúng ta đã phải "quay lại". Biết trước âm mưu của Pháp tiến công lên căn cứ địa Việt Bắc, trong "Thư gửi đồng bào Việt Bắc", Người chỉ thị: "Hiện bây giờ khu I chưa phải là mặt trận chính. Nhưng đối với bọn thực dân hung ác, nay mai khu I rất có thể trở nên mặt trận chính. Vì vậy, chúng ta phải luôn chuẩn bị sẵn sàng". Nhờ có sự chuẩn bị của toàn quân và dân ta, của đồng bào Việt Bắc, chúng ta đã phá tan cuộc tiến công thu đông năm 1947 của giặc Pháp.

Thực tế trên mặt trận quân sự lúc đó, địch rất mạnh, ta còn rất yếu nhưng ta vẫn đánh thắng địch trên mặt trận Hà Nội và mặt trận Việt Bắc. Bởi vì như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói khi Trả lời các nhà báo: "âm mưu của địch ta đều biết

trước, nên ta đối phó một cách bình tĩnh". Theo kinh nghiệm của các nhà quân sự, thì biết ta biết địch trăm trận trăm thắng, Người đã dự đoán được, âm mưu cũng như kế hoạch của địch nên ta đã chủ động đề phòng, chủ động tiến công nên đã phá được kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của giặc Pháp. Địch không thắng ta, đã chịu thất bại, càng lún sâu vào thế bị động chiến lược. Đến năm 1949, chúng ta đã qua giai đoạn cầm cự, phòng ngự tích cực và bước sang giai đoạn mới, Người kêu gọi đồng bào và chiến sỹ: *"chuẩn bị tổng phản công, chuyển sang giai đoạn thứ ba, tranh thắng lợi cuối cùng"*.

Trong năm 1949 này, Chủ tịch Hồ Chí Minh có viết một thiên truyện *"Giấc ngủ mười năm"*, với bút danh Trần Lục. Truyện kể về Nông Văn Minh, một chiến sỹ tham gia đánh trận Bông Lau ngày 30 tháng 10 năm 1947, bị thương vào đầu dẫn đến cái chết lâm sàng trong khoảng mười năm, đến ngày 15 tháng 8 năm 1958 mới tỉnh lại. Thông qua nhân vật này, Người kể về các diễn biến sự kiện cách mạng từ khi có phong trào Việt Minh, đến cách mạng Tháng Tám, kháng chiến toàn quốc, chiến dịch Thu Đông năm 1947 và về viễn cảnh trong những năm sau. Trong viễn cảnh ấy, Người dự báo về các sự kiện kháng chiến và cuộc sống của nhân dân ta sẽ diễn ra trong tương lai.

Trong đó có dự báo về cuộc kháng chiến, ta và Pháp sẽ có một trận quyết chiến chiến lược. Trận này: *"là một trận khủng khiếp nhất... máy bay bay từng đàn từng lũ... giội bom như mưa... Tiếng nổ long trời chuyển đất, khói lên nghi nhút như mây"*. Quân ta vây chặt *"Chúng không thể cứu viện được nhau, bị ta tiêu diệt gần hết"*... *"Trận đó là trận cuối cùng... hơn một vạn giặc chết và bị thương, chưa kể những thành phố khác"*. Quân Pháp thất bại *"Quốc hội Pháp đánh đổ chính phủ cũ, bầu ra chính phủ mới. Chính phủ này liền phái đại biểu qua thương lượng với Chính phủ ta"* và *"Cuộc đàm phán diễn ra nhanh chóng"*, ta giữ vững lập trường đã định, phía Pháp *"phải thừa nhận những điều kiện chính của ta"*... *"Chỉ một tuần sau hoà ước ký xong"*, *"Ba hôm sau, toàn cõi Việt Nam làm lễ ăn mừng kháng chiến thắng lợi"*.

Truyện nói về viễn cảnh ngày chiến thắng, Người cùng Chính phủ, bộ đội trở về Thủ đô, không khí vui tươi phấn khởi *"gấp mười gấp trăm lần ngày lễ độc lập tháng 9 năm 1945"*, công việc

hàn gắn vết thương chiến tranh, công cuộc kiến thiết, xây dựng đời sống mới tiến bộ rất nhiều, đất nước phát triển, tiến bộ, đời sống ấm no hạnh phúc. Cũng theo logic lời kể ta có thể đoán rằng, ngày giải phóng Thủ đô, Hồ Chủ tịch và Chính phủ trở về Hà Nội vào khoảng năm 1955, vì Nông Văn Minh sống lại năm 1958, sau ba năm ta và Pháp ký kết. So với hiện thực diễn biến sau này, năm 1954 ta thực hiện cuộc tiến công chiến lược Điện Biên Phủ, tiêu diệt và bắt sống hơn một vạn sáu ngàn hai trăm tên địch, buộc đế quốc Pháp phải ký vào Hiệp định Giơnevơ công nhận quyền độc lập và thống nhất đất nước Việt Nam, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, ngày 10 tháng 10 năm 1954, bộ đội ta vào tiếp quản Thủ đô, Người cùng Chính phủ trở về Thủ đô giải phóng và ngày 1 tháng 1 năm 1955 ta làm lễ mít tinh chào mừng, sau đó miền Bắc tiến hành hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng cuộc sống mới như trong lời dự báo của Người.

Đặc sắc của thiên truyện *"Giấc ngủ mười năm"* là nội dung dự đoán như trên đã trình bày, một thông tin nữa trong truyện Người báo rằng *"trận cuối cùng"* của cuộc kháng chiến: *"Năm 1949, chúng tiếp được viện binh bằng máy bay. Quân ta bắn rơi mấy chiếc xét ra không phải máy bay của Pháp mà của nước ngoài, chúng lại khởi một cuộc tiến công nữa"*. Nước ngoài ấy, chính là nước Mỹ. Bằng viện trợ quân sự, Mỹ can thiệp vào chiến tranh Đông Dương dẫn đến thế chân Pháp xâm lược nước ta: *"Tính đến thời điểm triển khai ở Điện Biên Phủ, viện trợ Mỹ chiếm tới 78 % tổng chi phí của Pháp cho chiến tranh Đông Dương... tháng 2/1954, Mỹ đã giao cho Pháp 40 máy bay ném bom hạng trung B26 và tăng thêm viện trợ... tháng 4/ năm 1954 Mỹ đã viện trợ cho Pháp 75 máy bay B26, 25 máy bay Corsair, 20 máy bay Dakota, một số máy bay Hencat và C54, cho Pháp mượn 49 máy bay C119 (kể cả phi công)"*. (4)

Năm 1950, chúng ta mở chiến dịch Biên giới thắng lợi, thế và lực của ta càng mạnh. Sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân ta đã gần đến toàn thắng. Tuy nhiên có sự can thiệp của đế quốc Mỹ nên cuộc chiến đấu của chúng ta phải kéo dài thêm. Người cũng đã dự đoán và nói với nhiều người rằng, khoảng bốn, năm năm nữa thắng Tây sẽ dứt. Dự đoán này Người còn ghi trong *"Vừa đi đường vừa kể chuyện"*, một thiên phóng sự và hồi ký: *"Cuộc kháng chiến của chúng*

ta tuy rất gian khổ, nó có thể kéo dài bốn, năm năm nữa, nhưng cuối cùng chúng ta nhất định thắng lợi".(5)

Bốn năm sau chúng ta chống Pháp thắng lợi, đế quốc Mỹ hiểu chiến đã không ký vào Hiệp định Giơnevơ, hất cẳng thực dân Pháp, thực hiện mưu đồ xâm lược nước ta. Từ mùa xuân năm 1955, chúng ta lại bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, đồng bào miền Nam lại đi đầu trong cuộc đấu tranh này. Đây là cuộc chiến đấu vô cùng khó khăn ác liệt gấp nhiều lần cuộc kháng chiến chống Pháp. Đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân dân phải vượt lên thử thách gian nan, phát huy sức mạnh tinh thần, vật chất để thắng Mỹ. Trong cuộc đấu tranh này, Hồ Chủ tịch đã đưa ra nhiều dự đoán, những điều biết trước để chúng chuẩn bị sẵn sàng đánh địch. Người biết trước kẻ địch rất hiểu chiến, ngoan cố, lại giảo và mạnh nên cuộc chiến ắt phải kéo dài.

Từ năm 1961, về thăm tỉnh Cao Bằng, thăm lại Pác Bó, Người đã sáng tác bài thơ "Thăm hang Pác Bó":

"Hai mươi năm trước ở hang này,
Đảng vạch con đường đánh Nhật- Tây;
Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu,
Non sông gấm vóc cỏ ngày nay".

Ngày đó tại hang này, Người dự đoán cách mạng Việt Nam thành công năm 1945. Ngày trở về thăm Người cũng dự đoán rằng, 15 năm nữa cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước mới hoàn thành. Năm 1965, trong "Lời kêu gọi nhân ngày 20 tháng 7", Người vừa nêu lên quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta, nhưng cũng chứa đựng một dự đoán về cuộc kháng chiến chống Mỹ: "Dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn". Ngày 17/7/1966, trong lời kêu gọi mang tiêu đề: "Không có gì quý hơn độc lập tự do!", Người cũng nêu lại tinh thần này một lần nữa. Nếu tính cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, từ 1955, thì đến 1965 đã là 10 năm, đến năm 1975 thì tròn 20 năm. Đúng là tròn 20 năm, chúng ta đã hoàn toàn thắng lợi, non sông gấm vóc thu về một mối như ngày hôm nay.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, Hồ Chủ tịch còn những dự đoán bất ngờ khác. Năm 1967, khi làm việc với Quân chủng Phòng không- Không quân, Bác căn dặn: "Sớm muộn rồi

để quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 đánh ra Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua. Phải dự kiến trước tình huống càng sớm càng tốt, để có thời gian mà suy nghĩ chuẩn bị. Nhớ là trước khi thua ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ đã huỷ diệt Bình Nhưỡng. Ở Việt Nam Mỹ nhất định thua. Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội"(6). Nhờ dự đoán thiên tài của Bác, chúng ta đã chuẩn bị và đã làm nên chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không", buộc đế quốc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pari, rút quân về nước.

Hơn bốn mươi năm Bác đã đi xa, Tết đến xuân về nghe thơ Bác:

... "Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! chiến sỹ, đồng bào!
Bắc- Nam sum họp, xuân nào vui hơn".

Bài thơ chúc Tết cuối cùng của Bác chứa đựng một dự báo về mùa xuân thống nhất đang đến gần, nhưng Người cũng chỉ ra sách lược giải quyết chiến tranh. Chúng ta đã thực hiện đúng sách lược đó, năm 1972 chúng ta đánh cho Mỹ cút, năm 1975 chúng ta đánh cho ngụy nhào và Hiệp thương thống nhất đất nước, mùa xuân năm 1976 là mùa xuân đầu tiên Bắc- Nam sum họp một nhà.

Hơn bốn mươi năm, chúng ta thực hiện Di chúc Bác Hồ. Chúng ta đã làm đúng, làm tốt như những lời Người căn dặn. Như việc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, làm tốt công tác giáo dục thanh niên nhi đồng, nâng cao đời sống kinh tế, văn hoá cho nhân dân lao động, làm tốt công tác xây dựng Đảng, công tác quan hệ quốc tế, làm cho vị thế nước ta trên trường quốc tế ngày càng cao. Đọc lại Di chúc ta thấy lời Bác, thật là lời tâm huyết, lời vàng ngọc dành cho cho chúng ta và muôn đời sau. Chúng ta còn thấy lời Bác như những lời tiên tri chỉ cho chúng ta con đường đi tới tương lai huy hoàng:

"Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!".

Bây giờ đọc lại những trước tác của Chủ tịch Hồ Chủ tịch chúng ta còn thấy những dự đoán của Người về tương lai ở tầm xa; ví dụ như từ năm 1946 ở lời Đáp từ trong buổi chiêu đãi của Chủ tịch G. Bidôn tại Pari Người đã nói: "nước Việt Nam sẽ tiến lên con đường độc lập. Chẳng bao

lâu nữa nước Việt Nam sẽ đóng vai trò xứng đáng ở Thái Bình Dương”, rõ ràng đến nay vào những năm đầu thế kỷ XXI Việt Nam đã có vai trò rất xứng đáng trong tổ chức APEC và Hiệp hội các nước ASEAN, cao hơn là vị trí ở Liên hiệp quốc. Đối với các nước về thế giới, Người cũng có dự đoán về sự phát triển của họ. Từ những năm hai mươi thế kỷ hai mươi, khi nhìn những thanh niên Trung Quốc ra nước ngoài học tập, lao động, Người đã thấy tinh thần cách mạng của họ mà đoán định rằng: “không bao lâu nữa, Trung Quốc sẽ có một địa vị trong hàng các cường quốc công nghiệp và thương nghiệp thế giới”. Những thanh niên Trung Quốc ấy, nhiều người đã trở thành những nhà lãnh đạo xuất sắc trong chiến tranh giải phóng và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc. Sự thực thì hiện nay Trung Quốc đã trở thành cường quốc của thế giới.

Khi vừa mới sang Liên Xô, Người đã viết bài báo “*Đông Dương và Thái Bình Dương*” (1924), phát hiện “*Lò lửa của cuộc chiến tranh thế giới mới*” ở Thái Bình Dương. Người chỉ rõ rằng: “*Vì đã trở thành một trung tâm mà bọn đế quốc tham lam đều hướng cả vào nhóm đó, nên Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa chiến tranh thế giới mà giai cấp vô sản phải nai lưng ra gánh*” và do đó: “*Những cuộc chiến tranh khác sẽ có thể nổ ra vì vấn đề Thái Bình Dương*”. Chúng ta thấy hơn 15 năm sau chiến tranh trên biển Thái bình Dương giữa Nhật và Đồng minh đã nổ ra, gây nhiều tổn thất cho nhân loại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có những bài viết khác thể hiện những dự đoán của Người về thế giới như về tranh chấp của các nước cường quốc về Bắc Cực, về phong trào giải phóng dân tộc các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Về phong trào cộng sản thế giới, trong Di chúc Người đã chỉ ra sự thoái trào và đổ vỡ của nó. Người phải “*đau lòng ... vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!*”. Người không dùng chữ bất đồng mà là “*bất hoà*”, mà từ bất hoà đến đổ vỡ, thoái trào chẳng cách bao xa. Suy ra sự sụp đổ của Liên Xô, của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sau này cũng là một tất yếu.

Nói về những dự báo chiến lược thiên tài của Chủ tịch Hồ chí Minh, L.A. Pát-ti, một sỹ quan tình báo Mỹ, người được tiếp xúc nhiều lần với

Hồ Chí Minh ở Côn Minh (Trung Quốc), ở chiến khu Việt Bắc. Cách mạng Tháng Tám thắng lợi về Hà Nội được Hồ Chí Minh đón tiếp vào ngày 10 tháng 9 năm 1945, L.A. Pát-ti đã kể lại về tư tưởng chỉ đạo sách lược của Hồ Chí Minh đối với thù trong giặc ngoài. Hồ Chí Minh đã khẳng định một cách cương quyết: “*Nếu người Trung Quốc thực sự chống đối lại nền độc lập của Việt Nam, nhân dân Ông nhất định sẽ kháng cự bằng vũ khí. Nếu bọn bù nhìn của Trung Quốc đánh vào Việt Minh, nhất định sẽ có nội chiến. Và, nếu sự đe dọa của Pháp trở thành hiện thực sẽ có cuộc chiến tranh toàn diện*”. Khi thực dân Pháp núp sau quân Anh trở lại xâm lược Nam Bộ ngày 23/9, nhân dân Nam Bộ đã anh dũng đứng lên chống lại, chiến sự đã nổ ra. Chính ngày đó L.A. Pát-ti đã đến gặp Hồ Chí Minh bàn luận về tình hình Nam Bộ, và việc Pháp núp sau quân Anh trở lại Việt Nam. Hồ Chí Minh đã nói thẳng rằng, đó là “*cuộc chiến tranh không công bố*” giữa Pháp và Việt Nam và “*cuộc xung đột công khai không còn xa nữa*”, Việt Minh đã “*triển khai kế hoạch hoạt động chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu lâu dài chống người Pháp*”. Để đối phó với quân Tưởng, Hồ Chí Minh nêu ý kiến có thể chấp nhận một “*chính phủ bù nhìn Trung Quốc tạm quyền*” do Nguyễn Hải Thần đứng đầu còn Người sẽ “*rút lui vào bưng biển để lãnh đạo đấu tranh*”. L.A. Pát-ti đánh giá: “*Kế hoạch của Ông Hồ nhằm vào hai mục đích. Nó vừa có duy trì được sự ủng hộ của người Trung Quốc (tức là Đồng Minh); nó lại cho phép Ông Hồ và Việt Minh tự do hành động để đánh Pháp mà không gây thiệt hại cho sự đấu tranh giành độc lập của Việt Minh*”. Ngày 30- 9 năm 1945, khi chuẩn bị hết nhiệm kỳ công vụ tại Việt Nam, L. A. Pát-ti còn được Hồ Chí Minh mời đến dự bữa cơm thân mật tại Phòng khách Bắc Bộ Phủ cùng các cộng sự gần gũi của Người. Sau đó hai người còn nói chuyện riêng từ tối cho đến tận đêm khuya. L.A. Pát-ti kể lại đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh coi “*như là một người bạn rất đặc biệt có thể thổ lộ tâm tình*”, và vấn đề đàm đạo là bàn về thái độ của Mỹ với công cuộc giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Nhớ lại cuộc đàm đạo này, L. A. Pát-ti đã viết về Ông Hồ: “*Ông không thể nào hiểu được rằng Mỹ, một nước nổi tiếng chống chủ nghĩa thực dân mà lại làm ngơ và cho phép*

(Xem tiếp trang 67)

Đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phương tiện hỗ trợ trong dạy học ở khoa kinh tế - QTKD

GVC.Ths. Đỗ Ngọc Sơn

Ths. Lê Thị Thanh Thuý

Khoa Kinh tế - QTKD

1. Những khó khăn trong đổi mới phương pháp dạy học ở trường Đại học Hùng Vương

Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, việc đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) đang là một yêu cầu bắt buộc với mọi giảng viên trường Đại học Hùng Vương.

Đã có rất nhiều giảng viên áp dụng phương pháp mới vào trong quá trình dạy học. Đó là PPDH hiện đại xuất hiện ở các nước phương Tây (Mỹ, Pháp...) từ đầu thế kỷ XX và được phát triển mạnh từ nửa sau của thế kỷ, có ảnh hưởng sâu rộng tới các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đó là cách thức dạy học theo lối phát huy tính tích cực, chủ động của người học. Vì thế thường gọi phương pháp này là PPDH tích cực. Ở đó, giảng viên là người giữ vai trò hướng dẫn, gợi ý, tổ chức, giúp cho người học tự tìm kiếm, khám phá những tri thức mới bằng các hoạt động như tranh luận, hội thảo theo nhóm. Người thầy có vai trò là trọng tài, cố vấn điều khiển tiến trình giờ dạy. Người thầy là người nêu tình huống, kích thích hứng thú, suy nghĩ và phân xử các ý kiến đối lập của người học; từ đó hệ thống hoá các vấn đề, tổng kết bài giảng,

khắc sâu những tri thức cần nắm vững và có khả năng vận dụng vào thực tiễn.

Trên thực tế, tỷ lệ giảng viên thực hiện được yêu cầu này ở trong trường chưa phải là nhiều vì họ đang gặp phải một số khó khăn:

- Thứ nhất, do thói quen đọc - chép, thuyết giảng, lệ thuộc sách, giáo trình của một bộ phận giảng viên đã tạo ra thói quen thụ động của người học. Thầy nói sao, trò ghi vậy, và chỉ biết học thuộc lòng, không cần suy nghĩ. Để thay đổi thói quen xấu này, nhiều giảng viên đã chủ động trong việc tìm tòi những cách thức mới trong việc truyền đạt kiến thức, song do nhận thức chưa thật đầy đủ, liên việc đổi mới PPDH chưa hiệu quả.

- Thứ hai, từ lối quen thuyết giảng, không ít người chỉ "chạy" theo khối lượng kiến thức có trong giáo trình, không quan tâm đến việc tìm ra những biện pháp tác động đến quá trình nhận thức của người học. Bản chất của việc dạy học là làm cho người học chủ động tiếp thu, dễ hiểu và dễ vận dụng. Người học tiếp thu kiến thức không phải chỉ thông qua kênh nghe, kênh nhìn mà còn phải được tham gia thực hành ngay trên lớp

hoặc được vận dụng, trao đổi thể hiện suy nghĩ, chính kiến của mình. Kết quả nghiên cứu khoa học hiện đại cũng đã cho thấy, người học chỉ có thể nhớ được 5% nội dung kiến thức thông qua đọc tài liệu. Nếu ngồi thụ động nghe thầy giảng thì nhớ được 15% nội dung kiến thức. Nếu quan sát có thể nhớ 20%. Kết hợp nghe và nhìn thì nhớ được 25%. Thông qua thảo luận với nhau, người học có thể nhớ được 55%. Nhưng nếu người học được trực tiếp tham gia vào các hoạt động để qua đó tiếp thu kiến thức thì có khả năng nhớ tới 75%. Còn nếu giảng lại cho người khác thì có thể nhớ tới được 90%. Điều này cho thấy tác dụng tích cực của việc dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

- Thứ ba, thiết bị dạy học cũng là một vấn đề ảnh hưởng không nhỏ đến đổi mới phương pháp dạy học. Trong những năm qua, Nhà trường đã trú trọng đầu tư hàng loạt trang thiết bị dạy học cho các khoa, bộ môn song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, đặc biệt là đối với khoa Kinh tế - QTKD. Thiết bị dạy không đủ cho các giảng viên lên lớp trong khi đây là một yếu tố hỗ

trợ giảng viên đổi mới PPDH. Đổi mới PPDH đòi hỏi phải sử dụng phương tiện dạy học phù hợp và công nghệ thông tin là một trong những phương tiện quan trọng góp phần đổi mới PPDH bằng việc cung cấp cho giảng viên những phương tiện làm việc hiện đại.

- Thứ tư, rất nhiều sinh viên ngại đổi mới phương pháp học nên các giảng viên cũng gặp nhiều khó khăn trong việc đổi mới phương pháp dạy học. Chẳng hạn, khi giảng viên muốn sinh viên học tập theo hình thức thảo luận, phát biểu ý kiến, tham gia xử lý các tình huống... nhưng nhiều sinh viên lại cho rằng “học thế thì có gì đâu mà học”, “đến lớp để nghe thầy dạy, hóa ra lại bắt mình nói”... hoặc không chuẩn bị bài theo yêu cầu của giảng viên; hoặc trong khi các bạn đang phát biểu thì lại làm việc riêng,... khả năng học tập theo nhóm nhỏ của nhiều sinh viên rất hạn chế. Điều đó cho thấy, nhiều sinh viên chưa thoát khỏi phương pháp học truyền thống, đã bị gò ép vào một khuôn mẫu từ khi học phổ thông nên thiếu khả năng độc lập tư duy sáng tạo kỹ xảo tiếp nhận kiến thức.

Vì vậy muốn đổi mới PPDH có hiệu quả đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa lãnh đạo trường, giảng viên và sinh viên. Trong đó, quan trọng hơn cả chính là sự tích cực chủ động đổi mới ở giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó, lãnh đạo trường phải có nhiều biện pháp chỉ đạo sát hợp, động viên giảng viên, sinh viên bằng cả vật chất lẫn tinh thần.

2. Định hướng công tác

quản lý của khoa Kinh tế - QTKD trong điều hành sử dụng, khai thác CNTT, thiết bị dạy học

Trong những năm gần đây, chúng ta đã chứng kiến một cuộc cách mạng khoa học công nghệ thông tin diễn ra như vũ bão, làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức, quan điểm và hành động trong lĩnh vực công nghệ của hầu hết các quốc gia.

Công nghệ thông tin (CNTT) đã tác động làm thay đổi nội dung, hình thức và phương pháp dạy học. Những phương pháp dạy học theo dự án, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề càng có nhiều điều kiện để ứng dụng rộng rãi. Các hình thức dạy học cũng có những đổi mới trong môi trường công nghệ thông tin.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chủ trương của Trường Đại học Hùng Vương về “sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện hỗ trợ trong dạy học”, Khoa Kinh tế - QTKD có một số ý kiến về “Định hướng công tác quản lý của đơn vị trong điều hành sử dụng, khai thác CNTT, thiết bị dạy học” của khoa như sau:

2.1. Thực trạng sử dụng, khai thác CNTT, thiết bị dạy học

Khoa Kinh tế - QTKD đã xác định sử dụng và khai thác công nghệ thông tin là khâu đột phá giúp Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, phương pháp dạy học nhằm nâng cao tính cạnh

tranh trong quá trình hội nhập quốc tế.

Các loại máy tính, máy chiếu và thiết bị photo, in ấn được đưa vào sử dụng ngay sau khi được trang bị, đáp ứng được những yêu cầu về nâng cao năng lực biên soạn bài giảng, giáo án điện tử nói riêng và việc trao đổi, xử lý thông tin nói chung.

Từ khi thành lập đến nay, các loại văn bản của Khoa, bài giảng của các giảng viên đều được đánh máy để lưu vào cơ sở dữ liệu của Khoa.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, cũng còn một số hạn chế cần được khắc phục, đó là:

- Là một đơn vị mới, khoa Kinh tế - QTKD có cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy học còn hạn chế. Nhiều học phần chuyên ngành rất cần đến sự hỗ trợ của mạng Internet gần như chưa có điều kiện áp dụng. Một số học phần đã sử dụng máy tính, máy chiếu Projector nhưng với số lượng rất hạn chế không đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Công nghệ thông tin chưa được sử dụng như một công cụ đắc lực cho việc đưa ra các quyết định trong công tác quản lý và điều hành trong Khoa. Trình độ ngoại ngữ, đặc biệt là trình độ tiếng Anh trong cán bộ, giảng viên chưa cao làm hạn chế khả năng giao tiếp và trao đổi thông tin qua mạng.

Do sự phát triển hết sức nhanh chóng của khoa học và công nghệ nên hệ thống thiết bị nhanh lỗi thời, lạc hậu nên nhu cầu thay thế, nâng cấp, trang bị lại máy tính và các thiết bị tin học là đòi hỏi cấp thiết.

2.2. Định hướng sử dụng, khai thác CNTT, thiết bị dạy học

Để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường cần hỗ trợ Khoa xây dựng đội ngũ, đầu tư trang thiết bị và đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học. Xác định nhân lực là một trong những yếu tố hàng đầu quyết định sự thành công trong việc ứng dụng CNTT vào trong quản lý và giảng dạy. Do đó, việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ tin học, trình độ ngoại ngữ cho giảng viên phải được quan tâm hàng đầu.

Quan tâm đầu tư nhiều hơn

về trang thiết bị CNTT. Trước mắt, Trường cần đầu tư thêm cho Khoa 2 dàn máy vi tính màn hình tinh thể lỏng, 5 máy chiếu Projector.

Có biện pháp khuyến khích cả về tinh thần và vật chất giúp giảng viên tự xây dựng bài giảng điện tử và các phần mềm giảng dạy bộ môn. Phát động thi đua, tổ chức các cuộc thi cho giảng viên xây dựng bài giảng điện tử nhằm xây dựng kho học liệu điện tử. Các bài thao giảng, thi dạy giỏi của giảng viên cần phải sử dụng phương tiện hỗ trợ dạy học trong đó có CNTT.

Tổ chức các chuyên đề trong

tổ chuyên môn về đổi mới phương pháp giảng dạy có sử dụng phương tiện CNTT một cách hợp lý nhằm nâng cao chất lượng bài giảng.

Khuyến khích giáo viên sử dụng và khai thác thông tin, tư liệu trên mạng Internet. Thành lập các nhóm giáo viên chuyên trách khai thác tư liệu trên mạng và các nguồn khác theo từng bộ môn đưa vào kho tư liệu nhà trường.

Tổ chức tham quan, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm ứng dụng CNTT với các đơn vị khác trong và ngoài trường. □

NHỮNG DỰ ĐOÁN THIÊN TÀI...

(Tiếp theo trang 64)

Anh và thậm chí cả Trung Quốc giúp Pháp trong mưu đồ nhằm áp đặt lại chế độ thuộc địa ở Việt Nam. Ông nói rằng chẳng ai mù mà không thấy được sự thật hiển nhiên là quân đội Pháp được Mỹ trang bị và tiếp tế. Sớm muộn sẽ xâm chiếm Lào, Campuchia, Trung Kỳ và cả Bắc Kỳ nữa". Ông Hồ đã chỉ rõ và khẳng định rằng: "Điều đó, họ phải trả bằng một giá đắt"(7). Và đúng như lời dự báo ấy, Chính phủ Pháp và sau đó là Chính phủ Mỹ đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Lào, Campuchia, trong 30 năm, cuối cùng họ đã phải trả giá đắt và thất bại nhục nhã.

3. Kết luận

Những dự đoán thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nguyên nhân quan trọng giúp nhân dân Việt Nam chiến thắng thù trong giặc ngoài, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Để có được những dự đoán thiên tài, chúng ta thống nhất với ý kiến của đồng chí Trường Chinh, là Người có "Thế giới quan chủ nghĩa Mác- Lênin và những kinh nghiệm đấu tranh lâu năm". Chúng ta còn thấy Bác Hồ đã nhận thức được sức mạnh của dân tộc, sức mạnh của thời đại, thấu tỏ khả năng to lớn của lực lượng quần chúng cách mạng, nhìn ra tiềm lực hạn hữu của kẻ thù. Nhưng những dự

đoán thiên tài ấy chỉ có thể nảy sinh từ một lãnh tụ vô sản luôn có một phẩm chất anh hùng, một trí tuệ siêu việt, trung thành, bất khuất, suốt đời phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. □

Tài liệu tham khảo và chỉ dẫn

- (1). Trường Chinh: Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam, Nxb Thông tin lý luận, HN, năm 1991, tr6.
- (2). Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Pác Bó suốt nguồn, Nxb văn hoá dân tộc, HN. 1980, tr 130.
- (3). Lê Cường: Hồ Chí Minh với Phật giáo, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật số 291 tháng 10/ 2008, tr15.
- (4). Phan Ngọc Liên(chủ biên): Những trận đánh trong lịch sử Việt Nam, Nxb trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2009, tr41.
- (5). T. Lan: Vừa đi đường vừa kể chuyện, trong (Tuyển tập thơ văn Hồ Chí Minh), Nxb QĐND, HN, 1/2008, tr345.
- (6). Thượng tướng Phùng Thế Tài: Bác đã dự báo sớm việc đánh B52, Tạp chí sự kiện và nhân chứng, số 131, HN, 11/ 2004.
- (7). Nguyễn Kim Thành: Dự báo chiến lược của Hồ Chí Minh qua cuộc đối thoại với một người bạn Mỹ, Tạp chí Cộng sản, số 14 (5/2003). HN, tr 22-26.

* Những trích dẫn ghi trong ngoặc kép và in nghiêng lấy từ Hồ Chí Minh, Toàn tập Nxb CTQG. HN, 2004.

UYỂN NGỮ TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT - PHÂN TÍCH ĐỐI CHIẾU TỪ GÓC ĐỘ VĂN HÓA

Th.S Nguyễn Thị Tố Loan
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hùng Vương

TÓM TẮT

Bài viết dưới đây đề cập đến việc phân tích đối chiếu uyển ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt nhìn từ góc độ văn hóa, nghĩa là tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa uyển ngữ Anh - Việt xét theo các đặc điểm văn hóa. Thông qua dữ liệu thu thập được cũng sẽ chỉ ra sự khác nhau trong nhu cầu, mục đích, tần suất sử dụng uyển ngữ của người Anh và người Việt và giải thích lý do của sự khác nhau đó. Cuối cùng, nghiên cứu đề xuất một số hoạt động trên lớp giúp cho việc học tiếng Anh và giao tiếp bằng tiếng Anh của sinh viên hiệu quả hơn.

1. Mở đầu

Trong xã hội hiện đại ngày nay, con người có rất nhiều phương tiện khác nhau để giao tiếp, và trong quá trình đó, người ta sử dụng rất nhiều từ ngữ. Tuy nhiên, không phải tất cả các từ ngữ được sử dụng đều là những lời hay ý đẹp, đặc biệt là khi diễn tả những thông tin không mong muốn với một thái độ không thoải mái. Cùng với sự phát triển của xã hội và ngôn ngữ, con người được khuyến khích sử dụng từ ngữ một cách khéo léo hơn, phù hợp với các tình huống trang trọng, lịch sự và uyển ngữ là một trong công cụ đặc biệt nhất để đạt được mục đích này.

Quan sát cho thấy rất nhiều sinh viên học tiếng Anh và sử dụng những từ tiếng Anh trong những tình huống tế nhị một cách vô tư mà không hề biết những hậu quả tồi tệ mà chúng mang lại. Chính vì vậy, nghiên cứu này hy vọng sẽ đưa ra những giải pháp để giúp người học có sự lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ tốt hơn.

1.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm đạt được những mục đích sau đây:

- Nghiên cứu sự khác nhau trong cách sử dụng uyển ngữ ở một số chủ đề nhạy cảm.

- Nghiên cứu ảnh hưởng từ góc độ văn hóa được thể hiện trong cách sử dụng uyển ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.

1.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu này sẽ tập trung vào phân tích uyển ngữ trên bình diện từ vựng học.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng những phương pháp sau: thống kê mô tả, so sánh đối chiếu phân tích, điều tra thực tế, hỏi ý kiến chuyên gia và đọc các tài liệu tham khảo.

- Phương pháp thống kê mô tả được áp dụng đối với các số liệu thu được để so sánh cách sử dụng uyển ngữ của người Anh và người Việt và ý kiến về tầm quan trọng của uyển ngữ trong giao tiếp hàng ngày.

- Phương pháp so sánh, đối chiếu được sử dụng để tìm ra những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng uyển ngữ của người Anh và người Việt từ kết quả điều tra trên.

- Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra thực tế với hai nhóm đối tượng là

những người bản địa nói tiếng Anh và tiếng Việt. Các câu hỏi nghiên cứu được thiết kế theo hình thức trắc nghiệm có kèm theo các câu hỏi mở để các đối tượng tham gia được thoải mái thể hiện quan điểm, ý kiến của mình.

- Ngoài ra, phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia, và đọc các tài liệu tham khảo cũng là một phương pháp quan trọng trong nghiên cứu này.

Thực ra, trong quá trình nghiên cứu, tác giả không áp dụng tách rời một phương pháp nào mà áp dụng tổng hợp tất cả các phương pháp vì chúng đều hỗ trợ cho nhau. Phương pháp này sẽ là tiền đề để thực hiện phương pháp kia.

1.4. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành điều tra trên hai nhóm đối tượng chính: 50 người nói tiếng Anh bản địa (đến từ các nước Anh, Úc, Mỹ) và 50 người Việt trong độ tuổi từ 20 đến 60 với số lượng phần trăm theo giới tính là 40% nam và 60% - nữ. Họ là những người làm việc trong các ngành nghề khác nhau như giáo viên, y tá, bác sĩ, công nhân, lái xe, doanh nhân, kỹ sư, giám đốc,

v.v. Hầu hết khi nghiên cứu họ sẽ không để lại tên bởi vì điều này có thể ảnh hưởng đến việc bày tỏ thái độ, quan điểm riêng, nhất là trong những tình huống nhạy cảm, tế nhị.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Định nghĩa về uyển ngữ

Việc sử dụng từ ngữ như thế nào được xem là một yếu tố rất quan trọng trong diễn ngôn. Có thể cùng một từ nhưng mỗi người lại có một cách diễn đạt hay thay thế riêng để tránh đi sự khó chịu cho người nói cũng như người nghe. Những từ ngữ như vậy được gọi là uyển ngữ. Trong từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam, uyển ngữ hay còn gọi là khinh từ là thuật ngữ ngôn ngữ học và văn học dùng để chỉ lối nói giảm, là biện pháp tu từ ngược lại với ngoa dụ và, ở phương diện nào đó, khá gần với nhả ngữ. Nói một cách khác uyển ngữ được định nghĩa là phương thức nói giảm, bằng cách không dùng lối diễn đạt trực tiếp mà dùng hình thức diễn đạt nhẹ nhàng hơn, mềm mại hơn, do những nguyên nhân về mặt phong cách.

Uyển ngữ được sử dụng nhằm giảm bớt hoặc né tránh hậu quả quá kích động của diễn ngôn hay thông báo, uyển ngữ ứng dụng nhiều trong ngôn ngữ thường nhật và đặc biệt là trong văn học.

Ví dụ: Dùng từ “đi”, “qua đời”, “khuất núi” thay cho từ “chết”.

2.2. Quy trình nghiên cứu và thu thập dữ liệu

Các câu hỏi điều tra sẽ được thiết kế cả bằng tiếng Anh và tiếng Việt, bao gồm 9 câu hỏi trong đó 5 câu sẽ khảo sát về cách sử dụng uyển ngữ trong các tình huống giao tiếp hàng ngày. Đó đều là các tình huống nhạy cảm, mang tính tế nhị trong giao tiếp. Các câu hỏi còn lại sẽ điều

tra về nhu cầu, mục đích, cách thức, tần suất sử dụng của uyển ngữ.

Người tham gia sẽ được yêu cầu trả lời các câu hỏi trong vòng từ 5-7 phút. Các tình huống đều được thiết kế ở 2 mức độ: Thân mật, và khách sáo. Ngoài ra, ở mỗi câu hỏi đều có chỗ trống để người tham gia cung cấp câu trả lời theo cách riêng của mình (nếu có).

Các câu hỏi điều tra sẽ được phát ra cho 100 người bao gồm cả hai nhóm đối tượng như đã miêu tả ở trên thông qua các hình thức như: điều tra trực tiếp, phát câu hỏi qua email, hoặc qua các diễn đàn. Số lượng phiếu trả lời thu được (cả bản in và bản điện tử) là 100 phiếu, trong đó có 50 bản được trả lời bằng tiếng Anh, 50 bản được trả lời bằng tiếng Việt. Các số liệu điều tra sẽ được phân tích dưới góc độ văn hóa. Biểu đồ hình tròn được sử dụng chủ yếu để diễn tả phần trăm người tham gia sử dụng các uyển ngữ trong những tình huống nhất định.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Phân tích các câu hỏi điều tra

- Câu hỏi 1: Cách thông báo một tin buồn

Câu hỏi này điều tra cách thức người Anh và người Việt sử dụng để thông báo về cái chết của một người khác như thế nào. Số liệu điều tra cho thấy, đa số người Việt có xu hướng sử dụng uyển ngữ khi nói về cái chết của những người thân, nhưng lại ngược lại khi nói về cái chết của một tên tội phạm. Số lượng câu trả lời phụ thuộc vào đối tượng họ đang nói đến.

Ví dụ:

- Ông/bà đã chết. (10%)
- Ông/ bà đã qua đời/mất. (50%)
- Ông/ bà đã theo ông bà tổ

tiên. (30%)

- Ông/ bà đã về nơi chín suối. (20%)

Nói về tên tội phạm: - Hắn đã toi mạng rồi / về chầu trời / chết.

Trong khi đó, người Anh có xu hướng chọn nhiều hơn một phương án trả lời khi nói về cái chết.

+ Nói về ông (bà): He/she has passed away. (90%) / He/she has died. (90%)

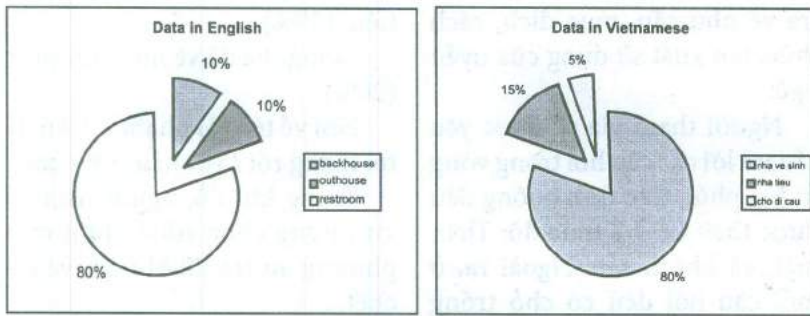
He/she has departed. (80%) / He/she has gone to a better place. (90%)

+ Nói về tên tội phạm: He /she has kicked the bucket. (100%) / He/she has died (90%)

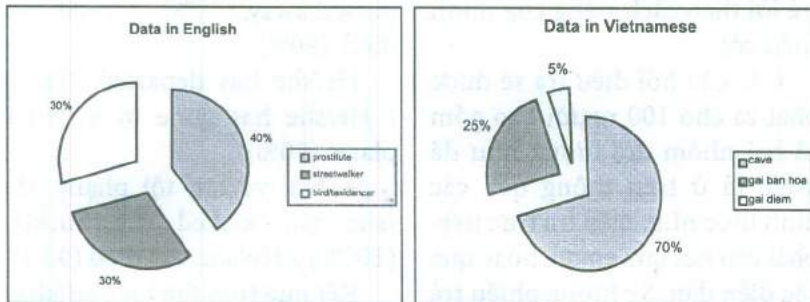
Kết quả trên thể hiện sự khác nhau trong cách sử dụng uyển ngữ của người Anh và người Việt. Khi nói về cái chết của người thân quen, 90% người Anh chọn cách nói trực tiếp, sử dụng từ “chết” trong khi đó chỉ có 10% người Việt sử dụng nó. Ngoài ra, có sự khác biệt về văn hóa, khi người Việt nói: Ông /bà đã đi theo ông bà tổ tiên, trong khi đó người Anh nói là: Ông/ bà đã đến một nơi tốt hơn (lên thiên đường). Đó là do người Việt luôn nghĩ về nguồn gốc, tổ tiên của mình, nên họ tin rằng khi ai đó chết là sẽ đi theo ông bà tổ tiên. Tuy nhiên, cả người Anh và người Việt đều nhận thức được rằng họ đang nói về một điều tế nhị, nên rất cẩn thận trong cách chọn từ, uyển ngữ để giảm bớt nỗi đau cho người nghe.

- Câu hỏi 2: Hỏi vị trí của nhà vệ sinh

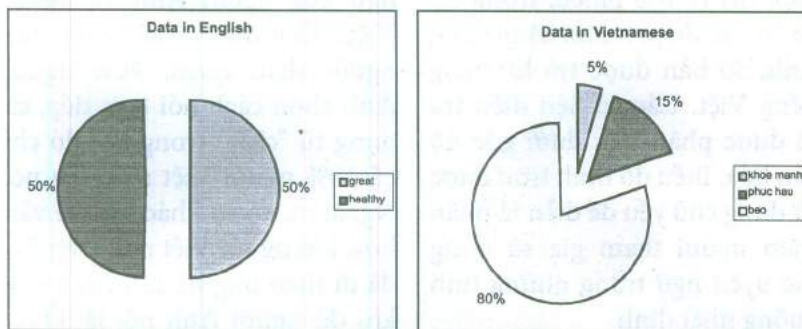
Trong số tất cả những người tham gia, 80% người Việt chọn cách sử dụng uyển ngữ khi đề cập đến nhà vệ sinh (ví dụ: William Cường, nơi giải quyết nỗi buồn, v.v) (chủ yếu là giáo viên, kỹ sư, doanh nhân); 15% chọn cách nói là “nhà cầu/tiểu”,



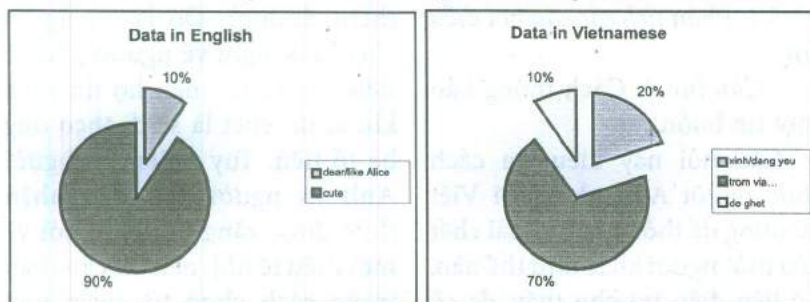
Hình 3.1. Số liệu thống kê câu trả lời của người Anh và người Việt cho câu hỏi 2



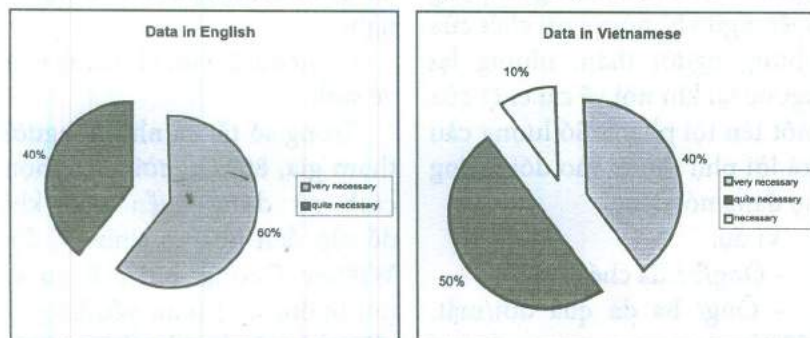
Hình 3.2. Số liệu thống kê câu trả lời của người Anh và người Việt cho câu hỏi 3



Hình 3.3. Số liệu thống kê câu trả lời của người Anh và người Việt cho câu hỏi 4



Hình 3.4. Số liệu thống kê câu trả lời của người Anh và người Việt cho câu hỏi 5



Hình 3.5. Số liệu thống kê câu trả lời của người Anh và người Việt cho câu hỏi 6

và chỉ 5% nói “chỗ đi cầu” (chủ yếu là những công nhân đến từ các miền quê). Rõ ràng là sự lựa chọn phụ thuộc chủ yếu vào nghề nghiệp của những người tham gia.

Uyển ngữ sử dụng trong tình huống này thể hiện cả những điểm giống và khác nhau về văn hóa Anh – Việt. Toilet được nghĩ là nơi tách biệt với nhà, nên trong uyển ngữ ở cả hai ngôn ngữ, người ta cũng sử dụng trong cách ám chỉ vị trí: backhouse – khu nhà sau; outhouse – khu phụ/khu nhà ngoài.

- Câu hỏi 3: Ám chỉ một “cô gái bán hoa”

Trong câu hỏi này, người tham gia sẽ được hỏi về các từ ngữ được sử dụng khi nói về một cô “gái bán hoa”. Chỉ có 5% người Việt chọn cách nói trực tiếp “gái điếm” trong khi có 40% người Anh chọn cách này, 30% nói “gái đứng đường” và 30% gợi ý các cách nói khác (bird/streerdancer). Kết quả trên thể hiện người Anh có cách nói thẳng hơn là người Việt khi đề cập đến vấn đề này trong khi người Việt thường chọn các từ ngữ khác để nói gián tiếp. Các từ ngữ trong tiếng Việt được người Việt sáng tạo ra trong quá trình giao tiếp và theo đặc điểm xã hội. Tuy nhiên, cũng có những sự tương đồng khi dịch các thuật ngữ trong tiếng Anh ra tiếng Việt, do những từ này thể hiện bản chất giống nhau ở cả hai xã hội.

- Câu hỏi 4: Đưa ra những nhận xét về hình thể con người

Câu hỏi này điều tra cách sử dụng từ để nhận xét về hình thể của một người bạn béo /mập sau một thời gian không gặp nhau. Số liệu điều tra cho thấy, 80% người Việt chọn cách nói: “Trông cậu béo hơn”, 15% nói “Trông cậu thật phúc hậu”, và

chỉ 5% nói “Trông cậu thật khỏe mạnh”. Ngược lại, không người Anh nào chọn cách nói “béo”, 50% chọn “You look great” (Bạn thật tuyệt), và 50% chọn “You look healthy” (Bạn thật khỏe mạnh). Lý giải cho điều này, rất nhiều người Anh nói rằng, họ không dùng từ “béo” khi nhận xét về hình dáng của ai đó, đặc biệt là phụ nữ, vì như vậy là không lịch sự. Trong khi đó, đa số người Việt cho rằng “béo” là dấu hiệu của sự sung túc, hạnh phúc và khỏe mạnh.

- **Câu hỏi 5:** Cách khen trẻ nhỏ

Ở câu hỏi điều tra này, 20% người Việt chọn cách nói “Cháu bé trông xinh/đáng yêu thế!”, “Trộm vía, cháu bé trông xinh/đáng yêu thế!” (70%), “Cháu bé trông dễ ghét thế!” (10%). Tuy nhiên, số liệu bằng tiếng Anh thể hiện, có đến 90% người chọn “She/he looks so cute” (“Cháu bé trông xinh/đáng yêu thế!”) và 10% còn lại chọn cách nói khác. Kết quả cho thấy, đa số người Việt không dám đưa ra những lời khen trực tiếp dành cho trẻ và họ thường thêm những cụm từ “Trộm vía” trước khi nói, vì họ nghĩ rằng nếu khen trực tiếp sẽ có thể mang lại những điều không hay hoặc ngược lại cho trẻ. Điều này hoàn toàn ngược lại với người Anh vì đa số chọn cách nói trực tiếp vì họ cho rằng chẳng có điều gì xấu khi khen trẻ cả.

- **Câu hỏi 6:** Nhu cầu sử dụng uyển ngữ trong giao tiếp hàng ngày

Theo điều tra, 60% người Anh và 40% người Việt cho rằng việc sử dụng uyển ngữ trong giao tiếp là “rất cần thiết”, 40% người Anh còn lại và 50% người Việt cho rằng điều này “khá cần thiết”, và chỉ có 10% người Việt nghĩ rằng điều này là “cần thiết”.

Rất khó để khẳng định nền văn hóa nào lịch sự hơn bởi vì có thể trong trường hợp này người này chọn cách nói gián tiếp nhưng ở trường hợp khác họ lại chọn cách nói giảm, nói tránh.

- **Câu hỏi 7:** Lý do sử dụng uyển ngữ trong giao tiếp hàng ngày

Đa số người Việt cho rằng, sử dụng uyển ngữ sẽ làm cho người khác nghĩ là họ lịch sự hơn 80%. Đáng ngạc nhiên là những người trẻ có độ tuổi từ 21-25 có xu hướng sử dụng uyển ngữ vì họ nghĩ rằng như vậy là phong cách hơn, ấn tượng hơn. Số lượng này chiếm khoảng 20%. Trong khi đó, số lượng những người Anh tham gia cho rằng sử dụng uyển ngữ sẽ thể hiện sự lịch sự và nói giảm/nói tránh (chiếm 50% - 50%).

- **Câu hỏi 8:** Mục đích sử dụng uyển ngữ trong giao tiếp hàng ngày

“Tránh làm tổn thương người khác” là câu trả lời của đa số người Anh và người Việt, với con số thống kê là 60% và 70% đối với từng đối tượng. 30% người Việt và 20% người Anh cho rằng sử dụng uyển ngữ sẽ “Chứng tỏ là mình lịch sự hơn”, và 10% người Anh còn lại cho rằng sử dụng uyển ngữ sẽ tỏ ra ít thẳng thắn hơn, trong khi đó, số lượng tương đương người Việt cho rằng đó là cách để tránh phải nói sự thật hay thể hiện mình là người ăn nói giỏi.

- **Câu hỏi 9:** Tần suất sử dụng uyển ngữ trong giao tiếp hàng ngày

Theo số liệu điều tra, 80% người Việt nói rằng họ thường sử dụng uyển ngữ, 10% sử dụng chúng một cách thường xuyên, và 10% sử dụng đều đặn. Một số liệu tương tự được tìm thấy trong câu trả lời của người Anh, điều đó cho thấy trong giao tiếp

hàng ngày, sự khác biệt về văn hóa không ảnh hưởng đến cách người Anh và người Việt đánh giá về tầm quan trọng của việc sử dụng uyển ngữ trong giao tiếp hàng ngày.

3.2. Thảo luận

- Yếu tố văn hóa đóng vai trò rất quan trọng trong giao tiếp hàng ngày đặc biệt là cách sử dụng các uyển ngữ.

- Tính trang trọng của ngữ cảnh quyết định đến sự lựa chọn uyển ngữ thích hợp.

- Người Anh có xu hướng coi trọng việc sử dụng uyển ngữ trong giao tiếp hơn người Việt.

- Những người Việt học tiếng Anh có xu hướng Tây hóa, họ sử dụng uyển ngữ theo cách nói của người phương Tây.

- Người Anh sử dụng uyển ngữ thường xuyên hơn người Việt.

Qua các phân tích trên, có thể cho thấy uyển ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt có cả những điểm giống và khác nhau xét về góc độ văn hóa. Qua thời gian, uyển ngữ cũng được bỏ bớt đi hoặc sáng tạo một cách thường xuyên. Trong cùng một nền văn hóa, việc sử dụng uyển ngữ không gây khó khăn gì cho việc giao tiếp, nhưng đối với các nền văn hóa khác nhau, việc sử dụng chúng đôi khi gây ra rất nhiều những vấn đề trong giao tiếp vì những quan điểm, thái độ và góc nhìn về mặt văn hóa khác nhau. Do đó, hiểu biết về văn hóa là rất cần thiết để quyết định sự thành công trong giao tiếp, đặc biệt trong cách sử dụng uyển ngữ Anh - Việt.

3.3. Ý nghĩa đối với việc dạy và học tiếng Anh

Biết một ngoại ngữ và nói một cách trôi chảy vẫn là chưa đủ. Một người giao tiếp tốt là người luôn biết cách nói lịch sự đặc biệt là khi đề cập đến những

vấn đề tế nhị. Điều này đòi hỏi người đó phải có một sự hiểu biết sâu sắc về nền văn hóa mà ngôn ngữ đó đề cập đến. Trong trường hợp này, uyển ngữ sẽ là một công cụ đắc lực để có được sự thành công trong cuộc nói chuyện. Tuy nhiên, đôi khi người nói gặp phải khó khăn khi phải dịch các uyển ngữ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc ngược lại, vì không có sự tương ứng trong mối quan hệ văn hóa. Rõ ràng là những câu nói hoặc dùng từ không đúng có thể gây ra rắc rối cho cả người nói hoặc người nghe, do đó, với những sinh viên học tiếng Anh, việc dùng các từ /cụm từ sao cho chính xác và thích hợp trong những tình huống nhất định là điều rất quan trọng.

Có rất nhiều loại bài tập cũng như hoạt động trên lớp mà giáo viên có thể sử dụng để giới thiệu uyển ngữ cho sinh viên. Ví dụ như, giáo viên có thể tổ chức các buổi nói chuyện, câu lạc bộ tiếng Anh nói về uyển ngữ, vai trò của uyển ngữ trong giao tiếp; giới

thiệu một số uyển ngữ trong sự so sánh đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt; cung cấp các bài tập về uyển ngữ như: Câu đố, Chọn câu trả lời thích hợp, Bài tập điền vào chỗ trống, Nối câu (từ), Các dạng bài tập thay thế từ, v.v. Như chúng ta thấy, các yếu tố văn hóa và xã hội có ảnh hưởng đến trực tiếp uyển ngữ, do đó giáo viên cũng nên giới thiệu cả những điều đó trong những bài học để sinh viên có thể tiếp thu ngôn ngữ một cách hiệu quả hơn.

4. Kết luận

Bài viết này đã tiến hành phân tích đối chiếu uyển ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt dưới góc độ văn hóa, để tìm ra những đặc điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng uyển ngữ của hai nền văn hóa khác nhau, đồng thời cũng đưa ra những nhận xét về tầm quan trọng của việc nhận thức nó trong quá trình giao tiếp hàng ngày cũng như nâng cao hiệu quả của quá trình dạy và học tiếng Anh. Trong quá trình tìm hiểu uyển ngữ, người

học nên cố gắng tìm hiểu những yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến sự hình thành các uyển ngữ đó để tránh những hiểu quả xấu trong khi giao tiếp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Độ (2004). *Tìm hiểu mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Việt Toàn. (2007). *Tạp chí Ngôn ngữ & đời sống. Uyển ngữ trong cụm từ diễn đạt cái chết trong tiếng Anh*. số 11, 145: 20-24.
- [3] Trương Viên (2003). *Nghiên cứu uyển ngữ trong tiếng Anh và việc chuyển dịch sang tiếng Việt*. (Luận án tiến sĩ), ĐHKHXHNV, ĐHQGHN.
- [4] Neil Thompson (2003). *Communication and language*. Palgrave MacMillan, New York.
- [5] Partridge (1984), *Dictionary of Slang and Unconventional English*, Cambridge University Press.
- [6] <http://www.en.wikipedia.org/wiki/taboo>.

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ CHỈ TIÊU ...

(Tiếp theo trang 44)

Có thể xem thành phần và hàm lượng các axit amin là một số trong những chỉ thị cần thiết, phản ánh mức độ đa dạng sinh học phân tử, là sản phẩm liên quan tới cơ cấu di truyền của giống. Và có thể xem đó là một chỉ thị góp phần đánh giá, chọn giống và chăn nuôi gia cầm cải tiến, đạt năng suất và chất lượng cao.

IV. KẾT LUẬN

4.1. Hoàn thành việc lựa chọn giống gà bố mẹ, thực hiện phép lai và nhận được con lai F1 do lai gà trống Lương Phượng với gà mái Ri.

4.2. Tỷ lệ chất khô, hàm lượng lipid thô, protein thô của con lai F1 Lương Phượng – Ri, biểu hiện mức trung gian giữa gà bố mẹ, có xu hướng cao hơn gà Ri và thấp hơn gà Lương Phượng.

4.3. Phân tích thành phần axit amin của thịt ngực và thịt đùi ở gà lai F1 đã xác định được 17 loại axit amin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm Thị Trân Châu – Nguyễn Thị Hiền, Phùng Gia Tường (1997), *Thực hành hoá sinh học*, NXB GD.
- [2]. Nguyễn Chí Dụ, Nguyễn Trọng Lạng, Nguyễn Văn Tý (2001). *Nghiên cứu một số chỉ tiêu năng suất và thành phần hoá sinh thịt của ngan, vịt và con lai của chúng nuôi tại tỉnh Bắc Ninh*. “Kết quả nghiên cứu về sinh học và giảng dạy sinh học, 2000 – 2001” NXB KH&KT Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Duy Hoan, Bùi Đức Lũng, Nguyễn Thanh Sơn, Đoàn Xuân Trúc, (1999), *Chăn nuôi gia cầm, (giáo trình dành cho cao học và nghiên cứu sinh ngành chăn nuôi)*, NXB Nông Nghiệp – Hà Nội.
- [5]. *Tiêu chuẩn Việt Nam (1997) (TCVN)*.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường ĐH

TS. Trần Văn Hùng

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước hết, tất cả mọi người dân Việt Nam cần thống nhất với nhau cách hiểu cho đúng thế nào là nguồn nhân lực chất lượng cao. Theo cách hiểu của chúng tôi, nguồn nhân lực chất lượng cao không đồng nghĩa với học hàm, học vị cao, nghĩa là nếu một người nào đó cho dù có học hàm, học vị cao nhưng lại không có đóng góp gì thực sự có giá trị về mặt khoa học trong suốt quá trình công tác giảng dạy hoặc nghiên cứu khoa học thì không được gọi là nguồn nhân lực chất lượng cao. Ngược lại, những người không hề có học hàm, học vị cao, thậm chí chỉ là người công nhân, kỹ thuật viên, cán bộ có trình độ trung cấp, hay kỹ sư, cử nhân, nhưng nếu họ lại có tay nghề hay chuyên môn rất giỏi về một lĩnh vực nào đó, đáp ứng tốt nhất yêu cầu công việc và có những đóng góp thực sự có giá trị cho xã hội thì đó chính là nguồn nhân lực chất lượng cao. Vì vậy, nguồn nhân lực chất lượng cao là những người có khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao một cách xuất sắc nhất, sáng tạo và hoàn hảo nhất, có đóng góp thực sự hữu ích cho công việc, cho xã hội. Vì vậy mà tìm kiếm nguồn nhân lực có chất lượng cao không chỉ riêng đất nước Việt Nam mà tất cả mọi nước trên thế giới, từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển cũng đặc biệt quan tâm đến công việc rất quan

trọng này.

Trong mấy chục năm gần đây, nhìn ra nước ngoài, chúng ta thấy sự phát triển rất nhanh chóng của nhiều nước ở khu vực Đông á bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan cũng như tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh của nhiều nước công nghiệp mới, các nước ASEAN và Trung Quốc đều phần lớn nhờ vào nguồn nhân lực có chất lượng cao. Không chỉ có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, nguồn nhân lực chất lượng cao còn có ý nghĩa không kém phần quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội như bất bình đẳng, đói nghèo, các vấn đề về môi trường và sự tiến bộ về mọi mặt của xã hội. Đất nước Việt Nam đã trải qua mấy chục năm trong bối cảnh nền kinh tế tập trung quan liêu và hai cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới xảy ra vào năm 1997 và 2008 vừa qua tại những nước được gọi là công nghiệp phát triển chính là những bài học kinh nghiệm được rút ra cho bất cứ người dân Việt Nam nào có tinh thần yêu nước, thực sự đổi mới và muốn đưa đất nước tiến lên nhanh và bền vững.

Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, khi mà sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt không chỉ trong một nước mà trên toàn thế giới, thì nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với mọi hoạt động của nền kinh

tế, cũng như các lĩnh vực khác, kể cả lĩnh vực hoạt động về ngân hàng, nơi mà sự cạnh tranh đang diễn ra ngày càng quyết liệt.

Giới hạn ở bài viết này chúng tôi chỉ dừng lại ở nhận thức về vai trò của nguồn nhân lực có chất lượng cao, có liên hệ tới các cơ sở đào tạo trên toàn đất nước, từ đó đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực này.

II. NHẬN THỨC CƠ BẢN VỀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở VIỆT NAM

Theo số liệu mới nhất về dân số tính đến năm 2009, Việt Nam có trên 44 triệu lao động trên tổng số 89 triệu dân và là một nước có nguồn lao động dồi dào so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Về quy mô dân số, Việt Nam là nước đứng thứ 2 trong khu vực và đứng thứ 13 trên thế giới. Trong số 89 triệu dân thì chiếm tới 50% là số người nằm trong độ tuổi lao động và nhóm tuổi từ 15 tới 34 tuổi chiếm hơn 45% tổng số lực lượng lao động. Cũng theo số liệu này thì hàng năm có khoảng từ 1,5 đến 1,7 triệu người nhập vào lực lượng lao động. Nhìn chung, cung lao động tại Việt Nam rất dồi dào và lớn hơn cầu về lao động. Tuy nhiên, phần lớn lượng cung lao động này là lao động phổ thông, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo cao và chất lượng lao động không đồng đều giữa các vùng, miền. Cụ thể là gần 77% người lao động trong

độ tuổi lao động chưa được đào tạo nghề, hoặc được đào tạo thì còn hạn chế về kỹ năng nghề nghiệp và chất lượng lao động ở khu vực thành phố cao hơn so với ở khu vực nông thôn. Về mặt cầu, nguồn nhân lực của Việt Nam hiện nay phần lớn được phân bổ trong khu vực nông nghiệp, nơi kỹ năng, tay nghề và trình độ của người lao động thường không cần ở mức độ cao. Lực lượng lao động đang làm việc trong khu vực công nghiệp chỉ chiếm 20% và đối với khu vực dịch vụ chỉ chiếm khoảng 26%. Điều này phần nào đã nói lên cầu lao động giản đơn, phổ thông ở Việt Nam vẫn còn khá lớn. Mặt khác, phần lớn lao động ở Việt Nam hiện nay đang làm việc ở khu vực ngoài Nhà nước. Tuy nhiên so với những năm trước đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế nói chung và sự phát triển của các doanh nghiệp mới nói riêng, nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao của các ngành dịch vụ và công nghiệp, đặc biệt là đối với lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, công nghệ thông tin, tài chính ngân hàng, điện, điện tử và hoá chất ngày càng tăng lên. Cùng với chính sách mở cửa, đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, làn sóng đầu tư trong nước cũng như đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng tăng lên, các doanh nghiệp trong nước được thành lập mới ngày càng nhiều đã tạo ra một lượng cầu nhân lực có chất lượng cao ngày càng lớn. Đối với các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài thì các nhà đầu tư là người nước ngoài thường ưu tiên tuyển dụng lao động có chất lượng cao ngay ở Việt Nam vì lao động Việt Nam là người

am hiểu khá nhiều lĩnh vực, tập quán, có nhiều mối quan hệ và mức lương trả cho họ thường thấp hơn so với lao động từ nước ngoài và cũng dễ cạnh tranh với các doanh nghiệp Việt Nam, các nhà đầu tư là người nước ngoài sẵn sàng trả mức lương cho người lao động cao hơn rất nhiều so với các doanh nghiệp Việt Nam. Vì thế, sự cạnh tranh về nguồn nhân lực có chất lượng cao ngày càng gay gắt. Kết quả cuộc điều tra 63.000 doanh nghiệp ở 36 tỉnh thành phố trên cả nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành năm 2008 cho thấy nguồn nhân lực chất lượng cao có thể tham gia quản lý tại Việt Nam cũng mới chỉ đáp ứng khoảng 40% nhu cầu. Đặc biệt những nhân sự cấp cao của Việt Nam đang đứng trước một nguy cơ khủng hoảng trầm trọng vì không đủ khả năng bắt kịp sự phát triển của nền kinh tế. Cũng theo như kết quả cuộc điều tra này, tỷ lệ giám đốc doanh nghiệp có trình độ thạc sỹ chỉ là 2,99%, đại học là 37,82% và cao đẳng là 3,56% trong khi đó tỷ lệ có trình độ trung học chuyên nghiệp là 12,33% và trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông trở xuống chiếm tới 43,30%.

Về nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao trong ngành tài chính và ngân hàng cũng đang gặp phải rất nhiều khó khăn. Năm 2007, trước khi xảy ra khủng hoảng kinh tế toàn cầu, hầu hết các ngân hàng của Việt Nam đều mở thêm rất nhiều chi nhánh. Các ngân hàng thương mại cổ phần đều đồng loạt tuyển dụng một lượng lớn nhân lực có trình độ tốt nghiệp đại học ngành tài chính ngân hàng. Đối với các công ty kinh doanh chứng khoán cũng vậy. Hàng loạt các công ty ra đời và kèm

theo đó là việc tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao, vì thế nguồn nhân lực chất lượng cao ngành này ngày càng khan hiếm. Theo dự báo trong năm 2007, nguồn nhân lực cho ngành ngân hàng sẽ thiếu bởi mỗi năm chỉ có khoảng 2000 sinh viên ra trường nên chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu. Sự khan hiếm nguồn nhân lực có trình độ cao đã khiến cho các doanh nghiệp phải sử dụng tới các chuyên gia là người nước ngoài và đương nhiên là phải trả tiền lương cho họ mức lương rất cao (đây là một điều thực sự đáng suy nghĩ đối với bất cứ người Việt Nam nào có lòng tự trọng dân tộc). Một số dịch vụ ngân hàng, y tế có tới 40% tổng số lao động có thu nhập cao từ 14.000 USD/năm trở lên đều thuộc về người nước ngoài. Tại một nhà máy gia công giấy ở Đồng Nai, tiền lương mà doanh nghiệp phải trả cho 70 chuyên gia là người nước ngoài tương đương với tổng số tiền lương mà doanh nghiệp trả cho 20.000 lao động người Việt Nam. Tại một Nhà máy xi măng ở tỉnh Thanh Hoá, 20 vị trí lao động chủ chốt, người Việt Nam lại giao cho người nước ngoài là người Nhật Bản đảm nhiệm và họ đã được trả tiền lương ở mức tương đương với tổng số lương của 2000 công nhân người Việt Nam (đây quả thực là một điều rất thiệt thòi cho người dân Việt Nam). Riêng đối với lĩnh vực ngân hàng, nhìn chung, lực lượng cán bộ ngành ngân hàng còn chậm đổi mới và ít được bồi dưỡng về kiến thức cũng như nghiệp vụ chuyên môn. Trình độ và tính chuyên nghiệp của cán bộ, công nhân viên trong các tổ chức tín dụng, ngân hàng chưa cao, đặc biệt trong lĩnh vực quản trị kinh doanh ngân hàng,

tư vấn, phân tích tín dụng, quản lý rủi ro và tiếp cận các dịch vụ ngân hàng mới. Một bộ phận không nhỏ cán bộ lãnh đạo, điều hành trong các tổ chức tín dụng còn nhiều hạn chế về kỹ năng quản trị kinh doanh ngân hàng hiện đại. Nguy hại hơn nữa là việc thiếu hụt lao động cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, do sự gia tăng đột biến về quy mô cùng với việc ra đời hàng loạt ngân hàng mới đã dẫn tới tình trạng trong thời gian ngắn, các tổ chức tín dụng đưa ra quá nhiều chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực, nhất là các vị trí chủ chốt, điều đó tiềm ẩn những rủi ro về chất lượng quản lý và điều hành của tổ chức tín dụng, bởi sự dịch chuyển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là những vị trí chủ chốt diễn ra thường xuyên khiến hoạt động kinh doanh; tổ chức quản lý của doanh nghiệp bị xáo trộn và ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của toàn ngành.

Có rất nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn tới tình trạng cung nhân lực có chất lượng cao không đáp ứng được nhu cầu. Theo điều tra mới đây của Bộ kế hoạch và Đầu tư, gần 18% số các doanh nghiệp Việt Nam, kể cả các tổ chức tín dụng, ngân hàng được hỏi đều gặp khó khăn trong việc đào tạo nguồn nhân lực lành nghề và có trình độ cao cho chính doanh nghiệp của họ. Nguyên nhân chính của việc này là do các doanh nghiệp thiếu thông tin và chưa tiếp cận một cách hiệu quả được với các dịch vụ đào tạo. Có nhiều sinh viên đã không được định hướng tốt trong việc chọn trường, chọn ngành nghề theo học. Cũng một phần do chất lượng đào tạo ở các cơ sở đào tạo không đáp ứng được nhu cầu, điều này đã tạo ra

sự lãng phí lớn đối với bản thân người được đào tạo và đối với xã hội, đó chính là sự yếu kém trong công tác quản lý nguồn nhân lực có chất lượng cao và suy cho cùng thì lực lượng lao động ở Việt Nam chưa phát triển.

Theo nhận định của nhiều chuyên gia có trách nhiệm thì nguồn lao động chất lượng cao trong một số lĩnh vực như cơ khí chế tạo, tự động hoá, vật lý nguyên tử, kinh doanh thương mại quốc tế, kế toán kiểm toán, tín dụng, ngân hàng vẫn sẽ tiếp tục bị thiếu hụt và khan hiếm. Hầu hết các tổ chức tín dụng, ngân hàng khi được hỏi đều cho rằng tuyển dụng được cán bộ nghiệp vụ giỏi đã khó, nhưng tuyển dụng được cán bộ quản lý giỏi còn khó hơn rất nhiều. Đồng thời, việc giữ lao động giỏi ở lại doanh nghiệp cũng là việc không dễ dàng. Điều này một lần nữa cho thấy trong tương lai khi mà cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu qua đi, các doanh nghiệp sẽ tiến hành tái cấu trúc và nhu cầu nhân lực có chất lượng cao ngày càng tăng lên thì chắc chắn sự mất cân đối giữa cung và cầu về lao động sẽ diễn ra ngày càng trầm trọng hơn nếu như Việt Nam không có những biện pháp hiệu quả để giải quyết vấn đề này ngay từ bây giờ.

III. GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Có thể nói Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Ngân hàng có trụ sở tại Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa ở Hà Nội, Trường Đại học Bách Khoa ở Thành phố Hồ Chí Minh là những cơ sở đào tạo có đầu vào tuyển sinh hệ đại học cao nhất đất nước. Trong những năm vừa qua, các trường này đã chứng

tỏ có điều kiện và khả năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về nhiều lĩnh vực. Mặc dù nhiều năm qua sinh viên của các trường này khi tốt nghiệp ra trường đã được xã hội tín nhiệm. Song, các trường vẫn luôn tìm hướng đi mới để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực.

Chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao mà các trường cần tiến hành dưới đây:

Một là, cần luôn trau dồi và nâng cao kiến thức thực tế, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực dùng tiếng nước ngoài, đi đôi với mở rộng liên kết với các doanh nghiệp trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với các hình thức đa dạng như mời doanh nghiệp có danh tiếng cùng tham gia giảng dạy, tổ chức cho sinh viên thực tập nhiều lần tại doanh nghiệp.

Bên cạnh trách nhiệm của lãnh đạo các trường, của các thầy giáo, cô giáo, cần xây dựng quy trình, quy chế rõ ràng hơn để tất cả mọi người, kể cả sinh viên phải có trách nhiệm tham gia. Mỗi sinh viên cần xác định rõ mục tiêu, động cơ học tập, thái độ học tập để tự giác học tập, không được gian dối trong thi cử, có ý thức tự học ở nhà, ở trường và ở mọi lúc, mọi nơi.

Hai là, mở rộng liên kết và hợp tác với các trường đại học danh tiếng trên thế giới (cả đào tạo đại học và sau đại học) nhằm nâng cao năng lực giảng dạy của đội ngũ giảng viên, luôn bổ sung mới giáo trình và tài liệu giảng dạy, tạo mọi thuận lợi để sinh viên được tiếp cận với những kiến thức mới nhất trên thế giới. Đa dạng hoá các kênh và phương thức đào tạo, mở rộng

việc hợp tác giữa các trường đại học trong nước với nhau, các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước với các Bộ, ngành Trung ương và cơ sở.

Ba là, hợp tác và tận dụng triệt để sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế về các lĩnh vực mà các trường đang quan tâm để nâng cao hơn nữa năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học, từ đó giúp cho việc nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, cũng rất cần quan tâm tới việc thu hút được nguồn nhân lực là chuyên gia Việt Kiều ở khắp thế giới có kiến thức uyên thâm về từng lĩnh vực hợp tác với các trường trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Bốn là, để làm tốt các vấn đề như đã nói ở trên, rất cần sự đầu tư nhiều mặt của Nhà nước về giáo dục đại học về cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng đào tạo, Chính phủ cần có những chính sách động viên, khuyến khích để các doanh nghiệp đóng góp cho sự nghiệp giáo dục đào tạo và các doanh nghiệp cũng cần chủ

động, có trách nhiệm đóng góp về cơ sở vật chất và kỹ năng thực tế cho các trường.

IV. KẾT LUẬN

Điều kiện để tạo được lợi thế cạnh tranh trong thời đại ngày nay là đầu tư phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao đi đôi với cấu trúc lại nền kinh tế. Cạnh tranh kinh tế hiểu theo nghĩa rộng chính là cạnh tranh về giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ. Chính vì hiểu đúng theo nghĩa rộng như vậy mà vào những năm cuối của thế kỷ 20 Việt Nam đã đưa giáo dục và đào tạo lên quốc sách hàng đầu. Bất cứ nước nào nếu làm chủ được các ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn, nước đó sẽ có sức cạnh tranh kinh tế mạnh. Tuy nhiên, để có được như vậy vấn đề cơ bản là phải có đầu tư xứng đáng vào giáo dục đào tạo, tức là đầu tư vào nguồn tài nguyên con người, đào tạo nguồn nhân lực có năng lực trí tuệ và tay nghề cao, có khả năng tiếp nhận và sáng tạo tri thức và công nghệ mới.

Hơn nữa, để phát triển được nguồn nhân lực có chất lượng cao cần phải có thời gian và có sự đầu tư thích đáng về mọi mặt. Công việc này không thể tiến hành một sớm một chiều, độ trễ về thời gian trong đầu tư vào nguồn nhân lực kể từ khi bắt đầu cho đến khi nguồn nhân lực phát huy hiệu quả là rất đáng kể. Thực tế quá trình phát triển của các nước Đông á gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... đã chứng minh cho điều này. Hiện nay, hơn lúc nào hết Việt Nam cần phải hết sức nhanh chóng tiến hành nhiều biện pháp đồng bộ và hiệu quả để phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho hội nhập kinh tế để có thể đạt được mục tiêu phát triển kinh tế bền vững và nhanh chóng trở thành một nước công nghiệp hoá trong tương lai, đó chính là mong mỏi và là khát vọng của mỗi người dân Việt Nam có tinh thần yêu nước và lòng tự trọng dân tộc. □

Phú Thọ: Chuối trổ 3 buồng

Nhìn bên ngoài, cây chuối này không có gì khác biệt so với những cây khác trồng cùng nhưng lại trổ một lúc 3 buồng, mỗi buồng có từ 7-9 nải, quả khá đều nhau và vẫn đang tiếp tục ra thêm nải.

Nhiều ngày nay, khá đông người dân thành phố Việt Trì và vùng lân cận đến xem một cây chuối trổ tới 3 buồng.

Cây chuối này được trồng trong khuôn viên Thư viện tỉnh Phú Thọ trên đường Trần Phú, thành phố Việt Trì.

Cây chuối trên mọc cùng một khóm với nhiều cây chuối khác. Nhìn bên ngoài, cây chuối này không có gì khác biệt so với những



cây khác nhưng lại trổ cùng một lúc 3 buồng, mỗi buồng có từ 7-9 nải, quả khá đều nhau và vẫn đang tiếp tục ra thêm nải.

Các nhân viên thư viện cho biết khóm chuối trên đã trồng từ lâu, nhiều cây đã trổ buồng nhưng không cây nào có tới 3 buồng như cây chuối này.

Theo Trương Văn Quân (Vietnam+)

Hội thảo

"NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG"

Học tập và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ quan trọng nhất của một sinh viên đại học.

Nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên, nhà trường đã tổ chức một diễn đàn tạo điều kiện cho sinh viên có dịp trao đổi, học tập kinh nghiệm nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Ngày 16/04/2011, được sự đồng ý của Lãnh đạo nhà trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Phòng QLKH&QHQT tổ chức Hội thảo Những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.

Dự với hội thảo có đại diện Lãnh đạo Thị đoàn, Lãnh đạo nhà trường, cán bộ phòng ban chức năng cùng gần 200 sinh viên nhà trường.

Hội thảo tập trung vào những nội dung: Báo cáo tổng kết về hoạt động NCKH sinh viên năm học 2009-2010; đề xuất định hướng và các biện pháp quản lý nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của sinh viên trong thời gian tới, đặc biệt là chế độ, chính sách đối với sinh viên tham gia NCKH và giảng viên hướng dẫn; vấn đề hỗ trợ kinh phí cho việc triển khai các hoạt động NCKH của sinh viên; Tham luận về kinh nghiệm NCKH của sinh viên đạt thành tích tiêu biểu trong công tác NCKH sinh viên những năm vừa qua và những khó khăn, trở ngại trong quá trình thực hiện đề tài, những kiến nghị và đề xuất.

Hội thảo đã nhận được rất nhiều câu hỏi của sinh viên trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Những câu hỏi đó được đại diện Lãnh đạo nhà trường và phòng chức năng giải đáp và trao đổi rất nhiệt tình, trọng tâm.

Với những nội dung được triển khai tại Hội thảo, hy vọng công tác NCKH của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương sẽ gặt hái thêm nhiều thành công mới, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của xu thế hội nhập và phát triển, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận.



Th.s Nguyễn Văn Hưng – Chủ tịch Hội đồng trường phát biểu ý kiến tại Hội thảo



Th.s Nguyễn Quang Tiến – Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học và Quan hệ quốc tế báo cáo tổng kết về hoạt động NCKH sinh viên năm học 2009-2010 và trả lời những thắc mắc của sinh viên tại Hội nghị



NCS Đỗ Tùng – Trưởng phòng Đào tạo phát biểu tại hội nghị

KHOA NHẠC - HỌA

Trường Đại học Hùng Vương luôn hướng về Tân Sơn xanh



Trường Khoa Nhạc - Họa Trường Đại học Hùng Vương và Hiệu trưởng Trường Tiểu học Tân Phú ký kết nghĩa



Trường Đại học Hùng Vương luôn hướng về Tân Sơn xanh

Sáng ngày 21/4/2011, tại Trường Tiểu học Tân Phú, huyện Tân Sơn đã diễn ra buổi Lễ kết nghĩa giữa Khoa Nhạc - Họa Trường Đại học Hùng Vương và Trường Tiểu học Tân Phú.

Dự Lễ kết nghĩa, về phía Trường Đại học Hùng Vương có sự tham dự của đại diện Lãnh đạo nhà trường, cán bộ giảng viên và sinh viên Khoa Nhạc - Họa; về phía Trường Tiểu học Tân Phú có đại diện lãnh đạo huyện Tân Sơn, lãnh đạo nhà trường và đông đảo cán bộ giáo viên nhà trường.

Tại buổi Lễ, Hai đơn vị đã giới thiệu, trao đổi về các hoạt động đã, đang và sẽ diễn ra trong thời gian tới.

PGS.TS Cao Văn - Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương hy vọng trong thời gian tới Khoa Nhạc - Họa Trường Đại học Hùng Vương và Trường Tiểu học Tân Phú sẽ có nhiều hoạt động giao lưu, hợp tác trong giáo dục, biểu diễn văn nghệ và những hoạt động khác.

Buổi Lễ kết nghĩa diễn ra trong không khí vui tươi, ấm áp và kết thúc thành công với những lời chúc mừng tốt đẹp, những lời hứa cam kết sẽ hợp tác chặt chẽ, tận tình giúp đỡ nhau nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và đời sống văn hóa tinh thần.

Phòng CTCT & HSSV

THÔNG BÁO TUYỂN SINH THẠC SỸ QUẢN LÝ GIÁO DỤC NĂM 2011

Trường Đại học Hùng Vương phối hợp với Trường Đại học sư phạm Hà Nội tuyển sinh lớp thạc sỹ Quản lý giáo dục năm 2011.

1. Điều kiện dự thi:

+ Về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học, đã qua chương trình bổ túc kiến thức của chuyên ngành do trường qui định. Đối với thí sinh tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý giáo dục, Tâm lý học không phải bổ túc.

+ Về thâm niên và đối tượng dự thi: Người dự thi phải có ít nhất một năm kinh nghiệm công tác (kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên) tại một trong các vị trí công tác sau: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường từ mầm non trở lên; Trưởng khoa, phó trưởng khoa các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; lãnh đạo và chuyên viên

làm công tác quản lý giáo dục của các tổ chức chính trị, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và các cơ sở giáo dục...

2. Các môn thi tuyển:

Người dự tuyển thi 3 môn: Logic học, Giáo dục học, Ngoại ngữ

3. Thủ tục hồ sơ:

Mua và nộp hồ sơ tại Trường Đại học Hùng Vương từ ngày 20/04/2011 - 30/05/2011.

4. Thời gian ôn tập tạo nguồn và học chuyển đổi: Dự kiến tháng 06/2011

5. Thời gian thi tuyển: Tháng 8/2011

6. Địa điểm học: Trường Đại học Hùng Vương;

7. Thời gian đào tạo: 02 năm, học các chuyên đề 01 năm, thời gian còn lại 01 năm học viên học tự nghiên cứu làm luận văn chờ bảo vệ tốt nghiệp.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Hợp tác Đào tạo - Trường Đại học Hùng Vương

VP Cơ sở 1: phường Nòng Tráng - TP Việt Trì: 0210 399 33 69

VP Cơ sở 2: phường Hùng Vương - TX Phú Thọ: 0210 3714 268; Di động: 0912 352 938

Thông báo về viết bài đăng trên ấn phẩm KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ

Tính đến thời điểm hiện tại, Trường Đại học Hùng Vương đã xuất bản được 17 số Ấn phẩm Thông tin: Khoa học Công nghệ, có chỉ số mã chuẩn quốc tế ISSN 1859- 3968 . Nhìn chung, nội dung và hình thức các bài viết đã có những tiến bộ rõ rệt. Nhiều bài báo đã được tính vào công trình NCKH, tính điểm đầu vào CH, NCS...

Trong thời gian qua, bên cạnh những đơn vị có nhiều cán bộ, giảng viên tham gia viết bài thì vẫn còn có một vài đơn vị có số lượng bài viết ít.

Để chuẩn bị cho việc xuất bản các ấn phẩm Khoa học Công nghệ tiếp theo và nhằm nâng cao chất lượng và uy tín ấn phẩm, Nhà trường đề nghị các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị đón đốc cán bộ, giảng viên, sinh viên của đơn vị tích cực viết bài. Nội dung các bài viết nên tập trung về các kết quả nghiên cứu mới; tóm tắt các luận văn thạc sỹ, tiến sỹ; đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức quản lý đào tạo... Hình thức trình bày các bài viết theo quy định đính kèm theo văn bản này.

Các tác giả nộp bài cho phòng QLKH&QHQT (01 bản in và 01 bản điện tử gửi theo địa chỉ Email: quynhdhvh@gmail.com).

Ban biên tập thông tin Khoa học Công nghệ

THỂ LỆ VÀ CẤU TRÚC CỦA MỘT BÀI VIẾT

I. Thể lệ

1. Thông tin KHCN Trường Đại học Hùng Vương công bố các công trình nghiên cứu khoa học có nội dung mới và các bài tổng quan do Hội đồng biên tập đề nghị.

2. Bài được gửi đăng là công trình khoa học chưa đăng hoặc chưa gửi đăng ở bất kỳ tạp chí khoa học nào, được soạn thảo trên Word hoặc LaTeX với nội dung súc tích, cô đọng và tuân theo cấu trúc của một bài báo khoa học. Soạn thảo trên Word dùng font Times New Roman cỡ chữ 12, cách dòng 1.15 - 1,2 cm; giấy A4; lề trên: 2 - 2,5 cm; lề dưới: 2 - 2,5 cm; lề phải: 2 cm; lề trái: 3 cm. Các ký hiệu, công thức phải rõ ràng, chính xác và có đánh số, hình vẽ, ảnh có kích thước không quá 4 x 7 cm. Tên các bảng biểu đặt ở giữa, phía trên; tên hình vẽ, ảnh và đồ thị đặt ở giữa, phía dưới. Bài gửi đăng được viết từ 5 - 8 trang (kể cả biểu đồ, đồ thị và tài liệu tham khảo).

3. Bài viết đánh số thứ tự mục và tiêu đề, các thuật ngữ khoa học được trình bày theo quy định chính thức của Nhà nước. Nếu dùng thuật ngữ mới hoặc thuật ngữ chưa được dùng phổ biến thì cần phải chú thích bên cạnh bằng thuật ngữ xuất xứ. Bài viết thể hiện bằng ngôn ngữ Tiếng Việt. Các bài viết bắt buộc phải có tóm tắt bằng tiếng Việt, nhà trường khuyến khích các tác giả viết tóm tắt bằng tiếng Anh. Tóm tắt mỗi loại không quá 8 dòng, phản ánh đầy đủ các kết quả của báo cáo. Tên bài báo, bài tóm tắt tiếng Việt đặt ở đầu bài báo, tên bài báo và tóm tắt tiếng Anh đặt sau phần tài liệu tham khảo (nếu có).

4. Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự a,b,c...(tên tác giả đối với tiếng Việt, tên họ đối với tiếng nước ngoài), số lượng không quá 10 tài liệu và trình bày theo thứ tự: Tên tác giả, năm xuất bản, tên sách (hoặc tạp chí), nhà xuất bản, nơi xuất bản (tập, số, năm đối với tạp chí).

Vi dụ: Trần Đình Nghĩa (2005). Sổ tay thực tập thiên nhiên, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Bài viết gồm 02 bản: 01 bản in và một bản điện tử gửi qua hộp thư điện tử. Cuối bài viết tác giả ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại và email để tiện liên lạc. Ban biên tập không gửi lại tác giả bản thảo và file bài viết trên đĩa trong trường hợp bài gửi đăng không đạt theo quy định. Tất cả các bài gửi đăng đều được ban biên tập gửi thẩm định đánh giá về nội dung và hình thức. Các bài đạt yêu cầu sẽ được đăng trong số báo gần nhất.

*** Địa chỉ liên hệ và gửi bài: Phòng QLKH&QHQT - Trường Đại học Hùng Vương - Phường Hùng Vương - Thị xã Phú Thọ - tỉnh Phú Thọ.**

*** ĐT: 02103.710.392 - email: quynhdhvh@gmail.com**

II. Cấu trúc của một bài viết, báo cáo khoa học

TÊN BÀI BÁO

Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hùng Vương

TÓM TẮT

1. Mở đầu

Bao gồm tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, phương pháp, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2. Nội dung/kết quả nghiên cứu và thảo luận

(nếu tóm tắt kết quả, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu)

3. Kết luận

Tài liệu tham khảo

Tóm tắt bằng tiếng Anh

(Tên bài báo bằng tiếng Anh)

Tên tác giả, đơn vị bằng tiếng Anh

Summary

VƯỜN SINH VIÊN

nét đẹp của nghệ thuật



“Vườn sinh viên”, một địa điểm văn hóa của sinh viên trong toàn trường.

Ngày 27/4/2011, Trường Đại học Hùng Vương đã tổ chức khánh thành Vườn sinh viên,

đây là những tác phẩm nghệ thuật do chính thầy và trò Khoa Nhạc - Họa thiết kế, xây dựng và hoàn thiện.

V ở i mong muốn cảnh quan Trường Đại học Hùng Vương ngày càng xanh - sạch - đẹp, PGS.TS Cao Văn - Hiệu trưởng nhà trường có ý tưởng biến khu vườn thuần túy với cây bạch đàn và các cây đại, dây leo rậm rạp um tùm thành

Dự Lễ khánh thành có lãnh đạo nhà trường, đại diện cán bộ phòng ban chức năng và giảng viên, sinh viên Khoa Nhạc - Họa cùng đại diện lãnh đạo tỉnh đoàn Phú Thọ, lãnh đạo thị đoàn Thị xã Phú Thọ.